

Bản án số: 879/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN F, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Phước Thuận

2. Bà Vũ Thị Hiệp

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Phúc Trường – Thư ký Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Hương. - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 617/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/9/2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 513/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2019/QĐST-HPT ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: 99/19 BT, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: 188 ấp LH I, xã LĐ, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

***- Bị đơn:*** Ông Hứa Khải H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 99/19 BT, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 22/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Bà và ông Hứa Khải H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 tại nhà thuê, đến năm 2011 chuyển về gia đình nhà chồng sinh sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 01/2011 cấp ngày 28/11/2011.

Vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H không chăm lo làm việc phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên chơi cờ bạc, nhiều lần gây nợ nần. Bà T phải đi làm vất vả để lo cho con và cùng với cha mẹ chồng trả hết các khoản nợ của ông H. Ngoài ra, ông H còn không quan tâm đến vợ, con dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, thường xuyên gây cãi nhau. Vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Đến năm 2017, vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt, mâu thuẫn trở nên gay gắt và đã ly thân từ đó cho đến nay, mặc dù sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà T đã chuyển về nhà cha mẹ đẻ tại tỉnh Bến Tre sinh sống từ tháng 05/2019, từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa.

Về con chung: Bà T và ông H có với nhau 01 con chung tên Hứa Ngọc T, sinh ngày 02/12/2012. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Hứa Khải H đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Bị đơn ông Hứa Khải H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Hứa Khải H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Quận F đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với ông Hứa Khải H. Về con chung: Giao con chung tên Hứa Ngọc T, sinh ngày 02/12/2012 cho Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, bà T không yêu

cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh T thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T đối với bị đơn ông Hứa Khải H có nơi cư trú tại Quận F nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân: theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Hứa Khải H đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2012 do ông H không chăm lo làm việc phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên chơi cờ bạc, bà T phải đi làm vất vả để lo cho con và cùng với cha mẹ chồng trả hết các khoản nợ của ông H. Ngoài ra, ông H còn không quan tâm đến vợ, con dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, từ đó bất đồng quan điểm về mọi mặt, đôi bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Phía bị đơn ông Hứa Khải H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng qua lời trình bày của bà T thì Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà T, ông H đã phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp nhau về nhiều mặt, vợ chồng không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng vun đắp cho cuộc sống gia đình. Từ năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt và đã ly thân cho đến nay. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng bà T, ông H hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ cũng như lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của ông H nhưng phía bị đơn ông H vắng mặt không lý do, do vậy Tòa án không tiến hành ghi nhận lời khai, hòa giải được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Hứa Khải H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

[5]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Hứa Khải H có với nhau 01 con chung tên Hứa Ngọc T, sinh ngày 02/12/2012. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, phía bị đơn ông H vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H trước yêu cầu nuôi con của bà T. Xét cháu T chưa đủ 07 tuổi nên Tòa án không xem xét nguyện vọng của cháu. Vì lợi ích về mọi mặt của trẻ, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Hứa Ngọc T, sinh ngày 02/12/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Hứa Khải H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 150 và Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh T đối với ông Hứa Khải H.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Hứa Ngọc T, sinh ngày 02/12/2012 cho đến khi thành niên. Bà Nguyễn Thị Ánh T không yêu cầu ông Hứa Khải H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hứa Khải H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Nguyễn Thị Ánh T.

Ông Hứa Khải H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Hứa Khải H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

bà Nguyễn Thị Ánh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Hứa Khải H.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được tính vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011538 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Bà Nguyễn Thị Ánh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hứa Khải H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận F;
- CCTHADS Quận F;
- Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Bình**



